

VẤN ĐỀ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH TIN HỌC ỨNG DỤNG KHÓA 2010, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

• ThS. Huỳnh Lê Uyên Minh^(*), ThS. Nguyễn Thị Mỹ Dung^(*),
ThS. Trần Kim Hương^(*)

Tóm tắt

Hiện nay, vấn đề việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được gia đình, nhà trường, chính quyền và xã hội quan tâm. Trong bài báo này, chúng tôi tìm hiểu thực trạng việc làm của sinh viên ngành Tin học ứng dụng sau khi tốt nghiệp. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề ra một số giải pháp nhằm giúp cho việc đào tạo của nhà trường đáp ứng được yêu cầu việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Từ khóa: Tin học ứng dụng, việc làm, sinh viên, tốt nghiệp.

1. Đặt vấn đề

Thực trạng việc làm của sinh viên (SV) sau khi tốt nghiệp là vấn đề thu hút sự quan tâm chú ý của người học, gia đình, nhà trường và xã hội. Thực tế cho thấy, số lượng SV sau khi tốt nghiệp của ngành Tin học ứng dụng tìm được việc làm đúng ngành đào tạo ngày càng ít đi, trong khi nhu cầu việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp lại rất nhiều. Điều này không những tác động không tốt cho SV đã ra trường mà còn ảnh hưởng bất lợi đến tâm lý chung của SV ngành Tin học còn đang học, thậm chí cũng ảnh hưởng đến các em học sinh đang chuẩn bị lựa chọn ngành nghề vào cao đẳng, đại học.

Do đó, chúng tôi muốn tìm hiểu các nguyên nhân từ đó đề xuất các biện pháp nhằm góp phần giải quyết vấn đề việc làm sau khi tốt nghiệp của SV ngành Tin học ứng dụng, Trường Đại học Đồng Tháp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hệ thống việc làm cho SV ngành Tin học ứng dụng

Sau khi tốt nghiệp, SV có thể làm việc trong các công ty chuyên về lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT), hoặc trong bất cứ doanh nghiệp, công ty nào. Thậm chí có thể làm một chuyên gia CNTT (IT) tự do - dạng công việc đang được nhiều bạn trẻ ưa chuộng hiện nay. Nhìn chung, dựa trên thông tin tổng hợp và [9], [10], sau khi tốt nghiệp ngành Tin học ứng dụng, SV có thể tìm việc tại:

(1) *Các công ty phần mềm*: Hiện nay, phát triển phần mềm là lĩnh vực CNTT mạnh nhất ở

Việt Nam và thu hút lực lượng nhân lực tham gia đông đảo nhất.

(2) *Các công ty sản xuất, lắp ráp, sửa chữa trang thiết bị phần cứng*: Những người làm trong lĩnh vực này có khả năng chế tạo, sửa chữa hay lắp ráp, lắp đặt các thiết bị, linh kiện của máy tính như ổ cứng, bo mạch, bộ vi xử lý.

(3) *Các công ty cung cấp giải pháp tích hợp*: Đây là một lĩnh vực mới đầy thách thức nhưng cũng nhiều hứa hẹn trong tương lai. Công việc này đòi hỏi các chuyên gia phải am hiểu cả phần cứng và phần mềm, có khả năng thiết kế các giải pháp trọn gói cho một công ty, tổ chức dựa trên những yêu cầu cụ thể.

(4) *Các công ty cung cấp giải pháp về mạng và an ninh mạng*: Với sự phát triển “thần tốc” của internet tại Việt Nam và cả những vấn đề về an ninh mạng như virus, hacker... lĩnh vực này đang mở ra những cơ hội lớn. Người làm công tác quản trị hệ thống và an ninh mạng có nhiệm vụ bảo đảm cho hệ thống vận hành suôn sẻ, giải quyết sự cố cho hệ thống mạng, đảm bảo an toàn và bảo mật cho dữ liệu.

(5) *Bộ phận quản trị, bộ phận IT tại các công ty*, kể cả công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ và các lĩnh vực khác.

(6) *Văn thư lưu trữ, nghiệp vụ văn phòng, nhân viên kỹ thuật...*

Nhìn chung, nhiều ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng nhân viên chuyên ngành Tin học, trong đó có ngành Tin học ứng dụng. Đây là cơ hội lớn để SV sau khi ra trường có thể tìm được công việc phù hợp với chuyên ngành.

^(*) Khoa Sư phạm Toán - Tin, Trường Đại học Đồng Tháp.

2.2. Thực trạng việc làm sau khi tốt nghiệp của SV ngành Tin học ứng dụng, Khoa Sư phạm Toán - Tin, Trường Đại học Đồng Tháp

Khoảng ba năm trở lại đây, lĩnh vực tin học được đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp có xu hướng giảm dần. Nhưng sau khi tốt nghiệp ngành học này, SV đã tìm được việc làm với tỉ lệ tương đối khả quan. Dưới đây là bảng kết quả khảo sát tình trạng việc làm của SV ngành Tin học ứng dụng, khóa 2010 (78 phiếu khảo sát).

Bảng 1. Kết quả khảo sát SV sau khi tốt nghiệp

S T T	Tình trạng việc làm	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Tổng (%)
1	Kỹ thuật viên, Lập trình viên CNTT	17	21,8	73,0
2	Giáo dục	5	6,4	
3	Quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng	9	11,5	
4	Thương mại, dịch vụ	15	19,2	
5	Tín dụng, tài chính	2	2,6	
6	Khác	9	11,5	
7	Học nâng cao trình độ	7	9,0	
8	Chưa tìm được việc	14	18,0	27,0
Tổng	78	100	100	100

Dựa trên kết quả phân tích của bảng 1 cho thấy tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp có thể được chia làm 3 nhóm:

- Nhóm 1: đã tìm được việc làm chiếm tỉ lệ 73%.

- Nhóm 2: tiếp tục học tập nâng cao trình độ là 9%.

- Nhóm 3: chưa tìm được việc làm chiếm tỉ lệ 18%.

Trong đó, nhóm 1 được xem là nhóm tìm được việc làm ổn thỏa sau khi tốt nghiệp, nhóm 2 tồn tại tại một số SV chưa tìm được việc làm và cũng có những SV có khả năng xin việc nhưng chưa muốn đi làm mà muốn tiếp tục đi học nâng cao trình độ với mong muốn tìm kiếm một cơ hội tốt hơn, nhóm 3 bao gồm những SV chưa tìm được việc làm và những SV chưa muốn xin việc để ở nhà phụ giúp gia đình.

Như vậy, ta thấy có 73% SV (nhóm 1) sau khi tốt nghiệp đã có được việc làm, tuy nhiên nếu xét về tính chất công việc hay về địa điểm làm việc thì ta có các bảng phân loại như dưới đây:

Bảng 2. Bảng phân loại tính chất công việc

STT	Tính chất việc làm	Tình trạng việc làm	Tỉ lệ (%)
1	Đúng chuyên ngành	Kỹ thuật viên, Lập trình viên CNTT; Giáo dục Quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng	39,7
2	Gần chuyên ngành	Thương mại, dịch vụ Tín dụng, tài chính	21,8
3	Trái ngành	Khác	11,5
Tổng			73,0

Theo bảng 2 cho ta thấy, tỉ lệ SV có việc làm đúng chuyên ngành chiếm 39,7% trên tổng số lượng khảo sát, trong đó bao gồm: một là lĩnh vực lập trình viên và kỹ thuật viên CNTT chiếm 21,8%, hai là lĩnh vực giáo dục chiếm 6,4% - trong lĩnh vực này SV thường phụ trách các mảng kỹ thuật tin học cho trường phổ thông hoặc giảng dạy tin học cấp tiểu học hay cấp trung học cơ sở, ba là lĩnh vực quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng chiếm 11,5% - trong lĩnh vực này phần lớn SV phụ trách mảng lưu trữ, kỹ thuật, an ninh... Bên cạnh đó cũng có những SV tìm được việc làm gần với chuyên ngành đã học như là các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, tín dụng, tài chính chiếm tỉ lệ 21,8%. Đồng thời cũng có một tỉ lệ không nhỏ khoảng 11,5% SV làm các công việc khác trái chuyên ngành, các SV này chấp nhận làm những việc thời vụ hay không cần bằng cấp tạm thời để chờ cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp hơn.

Một yếu tố không nhỏ ảnh hưởng đến vấn đề tìm việc làm của SV ngành Tin học ứng dụng là có xu hướng lựa chọn việc làm tùy theo địa điểm làm việc. Bảng 3 phân loại dưới đây thể hiện các lĩnh vực SV làm việc theo địa điểm như sau:

Bảng 3. Phân loại địa điểm làm việc và lĩnh vực làm việc

STT	Địa điểm làm việc	Lĩnh vực làm việc	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Tổng tỉ lệ (%)
1	Tại địa phương của SV	Kỹ thuật viên, Lập trình viên	4	5,1	25.6
		Thương mại, dịch vụ	2	2,6	
		Giáo dục	5	6,4	
		Quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng	9	11,5	
2	Gần Trường Đại học Đồng Tháp	Kỹ thuật viên, Lập trình viên	9	11,5	21.8
		Thương mại, dịch vụ	6	7,7	
		Tín dụng, tài chính	2	2,6	
3	Các thành phố lớn	Kỹ thuật viên, Lập trình viên	4	5,1	25.6
		Thương mại, dịch vụ	7	9,0	
		Khác	9	11,5	
Tổng			57	73	73

Qua khảo sát lĩnh vực làm việc dựa trên nơi làm việc của SV ở bảng 3 cho thấy các địa điểm SV làm việc như sau:

- Có việc làm tại địa phương: 25,6% SV làm việc tại quê nhà (nhà ba mẹ hoặc nơi thường trú), nhưng công việc này thuộc vào các lĩnh vực là giáo dục, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng với mức lương khiêm tốn (dưới 3 triệu), một số ít phụ trách kỹ thuật cho các cửa hàng linh kiện máy tính vừa và nhỏ hay các phòng game ở địa phương.

- Có việc làm gần Trường Đại học Đồng Tháp: 21,8% SV tìm được việc gần địa điểm mình đã theo học trước đây và phần lớn tập trung trong phạm vi thành phố Cao Lãnh, công việc của các SV này thuộc các lĩnh vực kỹ thuật viên, lập trình viên, hay trong các cơ quan nhà nước như tín dụng, tài chính, hay các tổ chức tư nhân về thương mại, dịch vụ,... trong đó có những SV mơ ước tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn hoặc mong muốn học tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp để nâng cao trình độ, hay cũng có một số SV muốn ở lại thành phố Cao Lãnh để có nhiều cơ hội phát triển nên chấp nhận làm các công việc gần ngành.

- Có việc làm ở các thành phố lớn: một bộ phận không nhỏ SV mong muốn tìm kiếm việc làm với thu nhập cao hơn và nhiều cơ hội hơn ở các thành phố lân cận và thành phố lớn chiếm 25,6%. Trong đó, 11,5% (khác) SV chấp nhận làm bất kỳ công việc trái ngành nào và không quan tâm đến mức thu nhập để tìm kiếm cơ hội tốt hơn.

Dựa vào các kết quả trên cho thấy, có 73%

SV tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp, những việc SV có thể tìm được ở các lĩnh vực như: kỹ thuật viên, lập trình viên, thương mại, dịch vụ ở bất kỳ đâu. Ngoài ra, SV tìm được những công việc trong các cơ quan nhà nước (giáo dục, an ninh quốc phòng) thường tập trung ở địa phương nơi SV sinh sống, tuy nhiên không phải ai cũng có thể tìm được công việc đúng ngành nghề đào tạo và phải chấp nhận công việc trái ngành, miễn sao có được việc làm, bên cạnh đó có một tỉ lệ 9% SV tiếp tục đi học nâng cao trình độ, đồng thời cũng tồn tại khoảng 18% SV chưa tìm được việc hoặc đã tìm được nhưng không chấp nhận mức lương thấp và bỏ việc.

2.3. Nguyên nhân

Thông qua kết quả khảo sát SV tốt nghiệp ngành Tin học ứng dụng, khóa 2010, tìm hiểu quá trình đào tạo cũng như việc đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của SV, cả các vấn đề liên quan đến khả năng xin việc làm của SV và dựa trên [1], [4], có thể kể đến các nguyên nhân sau:

2.3.1. Về phía SV

Năng lực: trình độ của SV sau khi tốt nghiệp chưa thật sự được đánh giá cao, nguyên nhân không phải do những SV này không có khả năng mà là do các bạn chưa định hướng rõ ràng xem mình muốn làm việc ở lĩnh vực nào sau khi ra trường, vì CNTT là rất rộng, do đó các bạn chỉ lo học với mục tiêu là giải quyết tốt vấn đề điểm số sao cho qua môn học hoặc đạt điểm cao mà không định hướng để chuẩn bị những kiến thức chuyên sâu cho nghề nghiệp

sau này. Điều đó dẫn đến việc khi tiếp xúc thực tế với công việc, SV thường gặp lúng túng, thậm chí cảm thấy công việc mình tiếp nhận quá mới mẻ.

Kỹ năng mềm: vấn đề kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cũng như các kỹ năng mềm cần thiết chưa được SV chú trọng và chưa được định hướng tốt. Đa phần khi ra trường SV thiếu kinh nghiệm thực hành, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xin việc hay chưa nhận thức rõ lĩnh vực hành nghề của bản thân.

Kỳ vọng, lý tưởng hóa công việc: đa phần SV đều bị động sau khi tốt nghiệp, nguyên nhân xuất phát từ mong muốn tìm một công việc đúng với chuyên ngành đào tạo và cũng không chấp nhận khởi đầu với mức lương thấp, những SV này thường có tâm lý tìm kiếm một công việc thật hoàn hảo ở một công ty hay cơ quan nhà nước. Khi mới ra trường, phần lớn SV tuy có kiến thức nhưng lại thiếu kinh nghiệm cũng như các kỹ năng mềm cần thiết cho công việc, trong khi công việc ở những vị trí quan trọng, vị trí tốt đòi hỏi phải có sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố này.

Tâm lý: do suy nghĩ không muốn xa rời nơi đã từng ở và gắn bó nên đa phần SV mong muốn tìm được việc làm gần nhà hay gần nơi mình học tập. Thực tế cho thấy nhu cầu tuyển dụng nhân viên ngành Tin học tại địa phương ngày càng bão hòa, ngay cả các cơ quan nhà nước. Mặt khác, nhân viên các cơ quan ban ngành có xu hướng học văn bằng 2 để đáp ứng yêu cầu của công việc, vì vậy vấn đề việc làm của SV sau khi tốt nghiệp càng gặp nhiều khó khăn.

Ngoài ra còn có nguyên nhân khách quan khác, tại Đồng Tháp chưa có các công ty lớn, các cơ quan chuyên về lĩnh vực CNTT, nên việc định hướng nghề nghiệp cho SV hay lựa chọn địa điểm thực tập thực tế gặp nhiều khó khăn.

2.3.2. Về phía Khoa - Nhà trường

Môi trường đại học là môi trường tạo cho người học tính chủ động, sáng tạo, nghiên cứu tìm tòi để phát hiện ra cái mới, tạo ra các sản phẩm ứng dụng phục vụ thực tế cho xã hội. Chính vì vậy, hiện nay có nhiều vấn đề đặt ra cần giải quyết.

Chương trình đào tạo: vẫn còn nhiều môn học mang nặng tính lý thuyết, ít thực hành, mặc dù chương trình đào tạo cũng được cập nhật thường xuyên nhưng công nghệ phát triển nhanh chóng

như hiện nay, khoa và nhà trường chưa đủ kinh phí để thay đổi toàn diện (về trang thiết bị, về nguồn nhân lực). Chính vì vậy, nhiều SV tốt nghiệp loại trung bình khá ảnh hưởng đến khả năng xin việc.

Đội ngũ giảng viên: bộ môn Tin học tuổi đời tương đối trẻ (trung bình 30 - 40), đội ngũ này thường xuyên đi học tập nâng cao trình độ. Vì thế, nhiều giảng viên phải nghiên cứu lĩnh vực mới nên chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa được tham gia các khoá tập huấn ngắn hạn về lĩnh vực mới và đặc biệt là kinh nghiệm làm việc thực tế tại các cơ sở tuyển dụng.

Mặt khác, hầu hết các nhà tuyển dụng đều muốn giữ công nghệ riêng của chính mình, thường không muốn chia sẻ công nghệ với nhà đào tạo, vì thế việc tiếp cận các công nghệ mới giữa nhà tuyển dụng với nhà trường còn hạn chế.

2.4. Đề xuất

2.4.1. Đối với SV

Năng lực: Ngoài việc trau dồi các kiến thức trên lớp, SV cần tăng cường việc thực hành, tự học, tự nghiên cứu. Các kiến thức, năng lực của SV đa phần không tự nhiên có mà SV có thể rèn luyện bằng nhiều cách thể hiện qua các môn học làm đồ án hay làm bài tập lớn. SV phải nâng cao khả năng tự học từ các phương tiện giáo trình, tài liệu tham khảo mà giảng viên giảng dạy cung cấp hoặc khai thác dữ liệu điện tử khổng lồ trên internet. Việc tích lũy dần các kiến thức trong quá trình học tập sẽ giúp cho SV làm giàu kiến thức của mình, và cũng hình thành tư duy nhạy bén, tư duy suy luận (logic) biết giải quyết vấn đề và khả năng tiếp cận công nghệ mới.

Rèn luyện các kỹ năng: Ngoài kiến thức chuyên ngành, SV cũng cần rèn luyện các kỹ năng cần thiết phục vụ cho việc học tập như việc xây dựng kế hoạch tự học, cách đọc các loại tài liệu giáo trình liên quan, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết các vấn đề. Đồng thời SV cần trau dồi ngoại ngữ để có thể bắt kịp xu hướng công nghệ tiên tiến mới nổi như hiện nay.

Định hướng nghề nghiệp: Trước tiên SV phải có định hướng việc làm tương lai ngay trong thời gian học tập, để tìm cách tiếp cận với thực tế công việc đó. Tìm hiểu nhu cầu tuyển dụng ở khu vực xung quanh nơi mình học hoặc lắng nghe thông tin việc làm từ các cựu SV (thông tin này thường

thực tế và cần thiết). SV cũng có thể chọn giải pháp làm bán thời gian cho một số cơ sở gần trường hoặc học hỏi kinh nghiệm từ người quen để biết bản thân thiếu, yếu những khía cạnh nào để tự khắc phục từ đó định hướng công việc tương lai.

Kỹ năng mềm: Người sử dụng mạng hay truyền cho nhau câu “SV ngành CNTT càng nhiều kỹ năng mềm càng sáng giá”, có thể liệt kê một số kỹ năng mềm cần thiết cho SV CNTT sau khi tốt nghiệp: (1) Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề, lúc học tại trường, SV tin học đã được giảng viên hướng dẫn cách tổ chức làm việc nhóm thông qua các bài tập lớn, đồ án, bài tập tự nghiên cứu hay giải quyết các vấn đề liên quan. SV cần thật sự tích cực trong các hoạt động học tập, trao đổi, tránh thói quen “làm cho có” để đủ điểm của môn học nào đó, và nếu điều này được luyện tập thường xuyên là một phương pháp tốt để SV có thể dần hình thành các kỹ năng làm việc nhóm nhằm phối hợp ăn ý với các thành viên khác, giải quyết xung đột phát sinh một cách tốt nhất; (2) Kỹ năng giao tiếp, người làm bên CNTT giỏi về tư duy logic, làm việc bài bản và độc lập, tuy nhiên họ lại thường hạn chế trong giao tiếp, kỹ năng trình bày và sự thuyết phục, do đó SV cũng cần tích cực tham gia vào các hoạt động khác của khoa và nhà trường, điều này hoàn toàn có lợi và giúp SV dần hình thành các kỹ năng giao tiếp, tạo mối quan hệ tốt với mọi người; (3) Ngoài ra, SV cũng cần trang bị thêm những kỹ năng khác để chuẩn bị tốt hành trang khi tốt nghiệp như kỹ năng phỏng vấn - xin việc làm, kỹ năng biết lắng nghe và chấp nhận phê bình, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải tỏa căng thẳng, hay kỹ năng quản lý thời gian. Để có được những kỹ năng này đòi hỏi SV phải thật sự chủ động tích cực tìm hiểu qua các kênh thông tin như sách, báo, bạn bè, người thân, trên internet... đồng thời phải học tập thật tốt và tham gia tương tác với bạn bè, với cựu SV, với những người xung quanh trong công việc cũng như học tập, hoặc có thể tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài trường (nếu có) để tích lũy cho bản thân; (4) Kỹ năng hoạch định tương lai, phải tự xây dựng kế hoạch định hướng sẽ làm các công việc gì và từ đó cần tìm hiểu hoặc đăng ký tham gia các khóa rèn luyện các kỹ năng như nghiệp vụ hành chính văn phòng, văn thư lưu trữ, quản trị mạng cho doanh nghiệp.

Kỳ vọng: SV cần giảm sự lý tưởng hóa và kỳ vọng khi bắt đầu công việc mới, hãy chấp nhận vị trí khởi nghiệp là một nhân viên bình thường, sau đó trải qua quá trình làm việc thực tế, tích lũy kinh nghiệm, tích cực học hỏi, từ đó sẽ dễ dàng có cơ hội thăng tiến và được ngồi vào vị trí mà mình mong muốn.

Tâm lý: Chấp nhận xa nhà, tập thói quen tự lập, tập tính mạnh mẽ, đưa ra thử thách cho bản thân để tìm cơ hội mới cho mình bằng cách xin việc ở các tỉnh khác, đặc biệt là tại các thành phố lớn như Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4.2. Đối với Khoa - Nhà trường

Để đáp ứng được với nhu cầu xã hội nói chung hay nhà tuyển dụng nói riêng, việc đào tạo SV cần đi sâu vào thực hành và kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cái mới, bám sát vào công việc thực tế của nhà tuyển dụng, đảm bảo phương châm “học đi đôi với hành”. Vì thế cần phải có sự chỉ đạo kịp thời từ phía Khoa và Nhà trường.

Về phía giảng viên: mỗi giảng viên phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, cải tiến nội dung giảng dạy sao cho phù hợp với nhu cầu phát triển của công nghệ, lựa chọn phương pháp dạy học hiệu quả để tránh gây nhàm chán từ phía người học, xây dựng đề cương môn học thiết thực hiệu quả, theo dõi đánh giá kết quả tự học của SV, tổ chức kiểm tra đánh giá đúng chất lượng.

Khoa, Trường cần giữ mối liên hệ với các cựu SV, đây là kênh thu thập nhu cầu tuyển dụng kịp thời và hiệu quả nhất. Thường xuyên thu thập thông tin đánh giá từ các cơ sở tuyển dụng để biết được SV đã đáp ứng được nhu cầu thực tế việc làm của họ như thế nào. Dựa vào kết quả phản hồi từ nhà tuyển dụng sẽ là cơ sở để khoa định hướng xây dựng chương trình đào tạo phù hợp.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp kỹ năng mềm cho SV như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phỏng vấn xin việc... cho các lớp SV năm cuối.

Nhà trường và Khoa là cầu nối liên kết chặt chẽ với các nhà tuyển dụng để nắm bắt được nhu cầu và xu hướng tuyển dụng nhằm tạo điều kiện cho SV có nhiều cơ hội để giao lưu, làm việc với các công ty, doanh nghiệp. Ngoài ra Nhà trường và Khoa nên tổ chức các buổi đối thoại giao lưu với các cựu SV đã có việc làm ổn định để thu thập

thêm thông tin về tình hình việc làm hoặc mời cựu SV thành đạt làm tư vấn về nhu cầu của các nhà tuyển dụng hiện nay.

3. Kết luận

Giải pháp tìm kiếm việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp là vấn đề cấp thiết, đòi hỏi khoa và nhà

trường cần tạo nhiều mối liên kết giữa các doanh nghiệp hoặc với các địa phương để thu thập thông tin về nhu cầu tuyển dụng. Đồng thời, mỗi SV cần phải có ý thức tự giác chủ động trong việc học tập nhằm tích lũy các kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm trong việc tìm kiếm việc làm trước khi tốt nghiệp./.

Tài liệu tham khảo

[1]. Alpha Books (2012), *50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường*, NXB Lao động - Xã hội.

[2]. Stephen W. Director, Philip Doughty, Peter J. Gray, John E. Hopcroft, Isaac F. Silvera, *Những quan sát về giáo dục đại học trong các ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điện-Điện tử-Viễn thông và Vật lý tại một số trường đại học Việt Nam*, Đoàn khảo sát thực địa thuộc Viện Hàn lâm Quốc gia Hoa Kỳ đệ trình cho Quỹ Giáo dục Việt Nam.

[3]. Việt Hà (2014), “Nâng cao khả năng có việc làm của sinh viên tốt nghiệp”, *Bản tin Đại học Quốc gia Hà Nội*, [https://vnu.edu.vn/upload/2011/09/11627/247_p74-p75_Nang cao kha nang co viec lam cua sinh vien tot nghiep _ Viet Ha.pdf](https://vnu.edu.vn/upload/2011/09/11627/247_p74-p75_Nang%20cao%20kha%20nang%20co%20viec%20lam%20cua%20sinh%20vien%20tot%20nghiep_Viet%20Ha.pdf).

[4]. Mai Hoa (2008), *7 năng lực cần thiết của nhân viên*, NXB Hồng Đức.

[5]. Huỳnh Ngọc Phiên, Trương Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Bích Ngọc (2012), *Bí quyết thành công sinh viên*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. Trần Anh Tài (2009), “Gắn đào tạo với sử dụng, nhà trường với doanh nghiệp”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, chuyên san Kinh tế và Kinh doanh, 25 (2) tr.77-81.

[7]. Vĩnh Thắng (2011), *Top 10 kỹ năng mềm cho bạn trẻ*, NXB Trẻ.

[8]. Bùi Loan Thùy, *Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực bậc đại học và cao học thư viện thông tin trong không gian phát triển mới*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh.

[9]. Trường Đại học Bách Khoa (2015), “Ngày hội việc làm công nghệ thông tin 2015: Nơi sinh viên tiếp cận gần doanh nghiệp”, <http://www.bkacad.com/vn/Tin-hoc-vien/Ngay-hoi-viec-lam-CNTT-2015-Noi-sinh-vien-tiep-can-gan-doanh-nghiep.html>

THE EMPLOYMENT ISSUE OF GRADUATES IN APPLIED INFORMATICS, COURSE 2010, DONG THAP UNIVERSITY

Summary

Nowadays, the employment issue for graduates attracts attention from family, university, government and society. In this article, we clarify the reality of employment for applied informatics graduates. Thereby, we propose solutions to help school training meet graduates' employment needs.

Keywords: applied informatics, employment, student, graduation;

Ngày nhận bài: 19/8/2015; Ngày nhận lại: 29/9/2015; Ngày duyệt đăng: 22/12/2015.